

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 180/2023/HS-ST

Ngày: 12/10/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Phương

2. Ông Võ Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 168/2023/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 824/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977, tại Cần Thơ;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ;

Nghề nghiệp: Môi giới bất động sản;

Trình độ học vấn: Đại học;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị L;

Bị cáo có 4 người em lớn nhất sinh năm: 1980, nhỏ nhất sinh năm: 1992

Vợ Nguyễn Thị Diệu H1, sinh năm: 1984

Bị cáo có 03 người con lớn nhất sinh năm: 2000, nhỏ nhất sinh năm: 2008.

Tiền sự: Không

Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giam từ ngày 21/02/2023. Hiện tại bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an quận N.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H luật sư: Võ Minh T- trưởng chi nhánh văn phòng L1- chi nhánh H4 – Đoàn luật sư Hậu Giang (có mặt).

2/ Nguyễn Văn V, sinh năm: 1961, tại Vĩnh Long;

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Trình độ học vấn: 09/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị T2;

Bị cáo có 02 người chị và 5 người em.

Vợ: Cao Thị V1

Bị cáo có 04 người con lớn nhất sinh năm: 1985, nhỏ nhất sinh năm: 2000.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/08/2023. Hiện tại bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an quận N.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Nguyễn Tôn Q, sinh năm: 1951(có mặt)

Địa chỉ: B T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Ngô Thị Thanh H2, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ông Bùi Ghi T3, sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A khóm D, phường T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (đang chấp hành án tại trại giam C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 15/7/2021, trong lúc làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Văn phòng “Công chứng 24H”, địa chỉ C đường N, phường A, quận N phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V sử dụng để làm hợp đồng chuyển nhượng là giả nên trình báo, Công an phường A đến đưa Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V về cơ quan Công an làm việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S; 01 căn cước công dân tên Cao Hồng S; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; 01 điện thoại Iphone, 02 điện thoại Samsung (do Nguyễn Thanh H giao nộp).
- 01 điện thoại di động hiệu Masstel (do Nguyễn Văn V giao nộp).
- 01 biên nhận vay tiền (do Nguyễn Tôn Q giao nộp).

Ngày 16/7/2021, bà Ngô Thị Thanh H2 tự nguyện giao nộp số tiền 18.000.000 đồng.

Ngày 23/7/2021, Nguyễn Thanh H tự nguyện giao nộp số tiền 22.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 113/KLGD-PC09 ngày 12/10/2021 và Kết luận giám định số 128/KLGD-PC09 ngày 04/11/2021 của Phòng K2 - Công an thành phố C xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S, Căn cước công dân tên Cao Hồng S, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là giả.

Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Thanh H làm môi giới bất động sản và có quen biết Nguyễn Văn V; đến khoảng tháng 6/2021 do thiếu tiền nhiều người không có khả năng trả nên H gặp V tại thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và gợi ý V cùng làm giả giấy Chứng nhận sử dụng đất đem thế chấp để lấy tiền trả nợ thì V đồng ý rồi cung cấp hình ảnh chứng minh nhân dân cho H. Sau đó H lên mạng xã hội Facebook tìm và đặt của 01 đối tượng (không biết họ tên, địa chỉ) để làm giả 01 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S, 01 Căn cước công dân tên Cao Hồng S nhưng ảnh là của V và 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tên Cao Hồng S với giá 10.000.000 đồng. Khi nhận

được 03 loại giấy tờ giả đã đặt, H nhờ bà Ngô Thị Thanh H2 làm trung gian tìm người để cho vay số tiền 150.000.000 đồng và thế chấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở, thì được bà H2 giới thiệu ông Nguyễn Tôn Q. Sau khi thống nhất Vĩnh đứng tên Cao Hồng S - chủ sở hữu trên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở để ký nhận vay tiền, ngày 08/7/2021 H2 và V cùng đến gặp ông Nguyễn Tôn Q, bà Ngô Thị Thanh H2 và người nữ tên “Hồng béo” tại quán cơm “Ếch” trên đường T, phường A, quận N; tại đây H2 và V trao đổi riêng với ông Q, V dùng tên Cao Hồng S hỏi vay ông Q số tiền 150.000.000 đồng; ông Q xem giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và Căn cước công dân so sánh hình ảnh trên giấy và Cao Hồng S (tức V) là cùng một người nên tin tưởng và đồng ý cho vay tiền, V viết giấy, ký tên Cao Hồng S vay số tiền 150.000.000 đồng, không ghi lãi suất, thời hạn vay từ 05 đến 10 ngày sẽ chuộc lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, V nói với ông Q chuyển tiền vay vào số tài khoản của H2 vì V không có số tài khoản ngân hàng, ông Q đồng ý và chuyển số tiền 127.500.000 đồng (trừ lại 15% tiền hoa hồng như thỏa thuận ban đầu) vào tài khoản của H2 tại ngân hàng O. Sau khi nhận tiền vào tài khoản, Nguyễn Thanh H đưa bà Ngô Thị Thanh H2 và V đi rút tiền, H2 đưa cho V 30.000.000 đồng, đưa cho bà H2 mượn 18.000.000 đồng, số tiền còn lại là 79.500.000 đồng Nguyễn Thanh H giữ lại trả nợ hết. Ngày 13/7/2021, Nguyễn Thanh H tiếp tục liên lạc với ông Q nói dối đã được Cao Hồng S cho mượn giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất để vay thêm tiền và hỏi vay ông Q thêm số tiền 180.000.000 đồng, ông Q đồng ý chuyển cho Nguyễn Thanh H vay số tiền 153.000.000 đồng (đã trừ 15% tiền hoa hồng). Đến ngày 14/7/2021, Nguyễn Thanh H tiếp tục đến nhà gặp ông Q đưa thông tin cần tiền để chuộc lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đoàn Minh H3 đã thế chấp nơi khác để hỏi vay thêm tiền của ông Q, Nguyễn Thanh H sẽ viết biên nhận nợ ông Q tổng số tiền 550.000.000 đồng và hứa khi chuộc lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đoàn Minh H3, Nguyễn Thanh H sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất này cho ông Q, ông Q đồng ý nhưng yêu cầu H phải cùng Cao Hồng S (bị cáo V) đến phòng Công chứng làm thủ tục chuyển nhượng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở tên Cao Hồng S cho người tên K với giá ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là 400.000.000 đồng để đảm bảo số tiền H đã vay, bị cáo H đồng ý. Bị cáo Nguyễn Thanh H liên lạc hẹn bị cáo Nguyễn Văn V sáng ngày 15/7/2021 đến Văn phòng Công chứng 24H trên đường N, phường A,

quận N, thành phố Cần Thơ để ký hợp đồng chuyển nhượng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất tên Cao Hồng S cho người khác.

Sáng ngày 15/7/2021, ông Nguyễn Tôn Quốc c vào tài khoản cho bị cáo Nguyễn Thanh H 90.000.000 đồng và đưa thêm tiền mặt 42.500.000 đồng, bị cáo H viết giấy nợ ông Q tổng số tiền 550.000.000 đồng (thực tế chỉ nhận số tiền 418.000.000 đồng), sau đó đi đến Văn phòng C1. Trong lúc, làm thủ tục chuyển nhượng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất tên Cao Hồng S cho người tên Nguyễn Văn K1 thì nhân viên Văn phòng C1 phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S là giả nên báo cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận: bị cáo không trực tiếp gửi ảnh của mình cho Nguyễn Thanh H, do trước đó bị cáo có đưa cho Bùi Ghi T3 giấy Chứng minh nhân dân của mình để T3 chụp hình lại và tìm người thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền giúp bị cáo. Đến ngày 08/7/2021, bị cáo cùng T3 đến quán cà phê ở khu E thuộc quận C, thành phố Cần Thơ (không nhớ tên quán) gặp Nguyễn Thanh H, H nói bị cáo đứng tên, ký giấy mượn tiền của ông Nguyễn Tôn Q, H sẽ cho “tiền cà phê”, bị cáo đồng ý cùng H lên xe ô tô đi gặp ông Nguyễn Tôn Q (T3 ở lại quán), trên đường Đ đưa cho bị cáo xem 01 giấy Căn cước công dân có dán hình của bị cáo nhưng tên Cao Hồng S, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên Cao Hồng S, H nói bị cáo xem kỹ và nhớ địa chỉ để khi ông Q hỏi để biết đường trả lời; bị cáo biết những giấy tờ do H đưa là giả nhưng vẫn đồng ý đứng tên Cao Hồng S để đi vay tiền cùng H. Khi bị cáo cùng H đến quán cà phê ở đường T, phường A, lúc này trong quán có ông Q, bà Ngô Thị Thanh H2 và người phụ nữ tên “Hồng Béo”; tại đây, bị cáo xưng là Cao Hồng S hỏi vay ông Q 150.000.000 đồng và thế chấp lại 01 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở tên Cao Hồng S, thời hạn vay 05 - 10 ngày, bị cáo trực tiếp viết biên nhận vay số tiền 150.000.000 đồng của ông Q và đã ký - ghi tên Cao Hồng S; sau khi ông Q đồng ý chuyển khoản tiền vào tài khoản của Nguyễn Thanh H, bị cáo không biết rõ số tiền thực tế đã chuyển, bị cáo Nguyễn Thanh H chở bị cáo cùng bà Ngô Thị Thanh H2 đi rút tiền tại trụ ATM trên đường C, phường X, sau đó H2 đưa bà Ngô Thị Thanh H2 về trước rồi chở bị cáo về quán cà phê ở khu E. H2 đi đến đưa tiền cho T3, bị cáo không biết số tiền cụ thể do đứng bên ngoài. Khi H2 đi khỏi, T3

chở bị cáo quay về Vĩnh Long, đưa cho bị cáo 1.000.000 đồng và nói H2 cho 2.000.000 đồng, chia mỗi người 1.000.000 đồng. Đến ngày 15/7/2021, T3 đến gặp bị cáo nói qua Cần Thơ gặp H2 để ký giấy chuyển nhượng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Cao Hồng S, bị cáo đồng ý, T3 đưa bị cáo đến Cần Thơ rồi về Vĩnh Long trước. Trong lúc đang chờ làm thủ tục thì nhân viên Văn phòng C1 phát hiện giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở tên Cao Hồng S, giấy Căn cước công dân Cao Hồng S và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tên Cao Hồng S là giả nên đã trình báo đến Công an. Bị cáo chỉ tham gia cùng bị cáo Nguyễn Thanh H lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Tôn Q 01 lần với số tiền 127.500.000 đồng và chỉ nhận được số tiền 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh H bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận N ra quyết định tách vụ án, Quyết định truy nã đối với bị cáo Nguyễn Thanh H. Đến ngày 21/02/2023, bị cáo Nguyễn Thanh H bị bắt theo Quyết định truy nã, thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22 màu đen, số Imei 358475773871787, màn hình bị bể. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận Bùi Ghi T3 đã chuyển hình ảnh căn cước công dân của Nguyễn Văn V cho bị cáo, bị cáo lên các trang mạng xã hội đặt làm giả 01 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S, 01 Căn cước công dân tên Cao Hồng S nhưng ảnh là của V và 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tên Cao Hồng S để bị cáo Nguyễn Văn V đứng tên Cao Hồng S trên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất giả; bị cáo đã cùng bị cáo V mang giấy Chứng nhận giả này thế chấp cho ông Nguyễn Tôn Q, chiếm đoạt số tiền 127.500.000 đồng. Sau đó, bị cáo tiếp tục đưa những thông tin giả tạo niềm tin của ông Q để chiếm đoạt thêm 02 lần với số tiền 290.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Tôn Q là 418.000.000 đồng.

Đối với Bùi Ghi T3 khai mục đích gửi ảnh chụp giấy Chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn V cho Nguyễn Thanh H để nhờ H tìm người nhận thế chấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho V, T3 không thừa nhận biết việc H sử dụng hình ảnh của V để làm giả giấy tờ thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Đối với Ngô Thị Thanh H2, là người trung gian giới thiệu cho Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V đến thế chấp Chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở để vay tiền của ông Nguyễn Tôn Q nhưng bà H khai không biết bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V sử dụng giấy tờ giả để chiếm đoạt tiền của

ông Q, bà H đã nộp lại số tiền 18.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thanh H cho mượn. Do không đủ căn cứ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận N không xử lý hình sự đối với Bùi Ghi T3 và Ngô Thị Thanh H2 với vai trò đồng phạm.

Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Tôn Q yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V hoàn trả số tiền 418.000.000 đồng bị chiếm đoạt. Bị cáo H đã bồi thường cho ông Q 270.000.000 đồng, còn lại 148.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn V thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo H đã khắc phục hậu quả một phần. Bị cáo Nguyễn Thanh H có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Về nhân thân: hai bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Tại bản cáo trạng số: 162/CT – VKSNK ngày 02 tháng 08 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân quận N truy tố:

+ Bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thanh H thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại.

Bị cáo Nguyễn Văn V thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Tôn Q trình bày: Tôi chỉ yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 148.000.000đ, tôi không yêu cầu bị cáo V bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ghi T3 trình bày: Bị cáo V có chụp ảnh chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tôi tìm người thế chấp tài sản trên cho bị cáo V. Do quen biết với H nên tôi đã

chuyển hình ảnh giấy căn cước công dân của bị cáo V cho H để H tìm người nhận thế chấp tài sản. Tôi hoàn toàn không biết việc bị cáo H, bị cáo V làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tài sản của ông Q.

Luật sư Võ Minh T trình bày: Thống nhất về tội danh và hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra, hiện tại hoàn cảnh gia đình của bị cáo đang gặp nhiều khó khăn, bị cáo có con nhỏ, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, nên đề nghị cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát:

Truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, Khoản 3 Điều 174, điểm c, Khoản 2 Điều 341, điểm s, điểm b khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 (bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo), điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H mức án tù từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức án tù từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, Khoản 2, Điều 174, điểm c, Khoản 2 Điều 341, s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 (bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án tù từ 03(ba) năm đến 03(ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức án tù từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S; 01 căn cước công dân tên Cao Hồng S; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 biên nhận vay tiền là các chứng cứ chứng minh tội phạm nên đề nghị tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Đề nghị trả cho các bị cáo: 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc imei 359304064270104, 01 điện thoại Samsung A70 (SM-A705F/DS) màu xanh- đen, 01 điện thoại samsung galaxy note10+ plus (sm-N975F/DS) màu xanh – đen, Imei: 351591113661568, 01 điện thoại di động hiệu Masstel izi 206 màu đỏ đen, imei: 358414100972869, 01 điện thoại samsung galaxyA22 imei 358475773871787.

Tổng số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) bà H và bị cáo H đã nộp theo biên lai thu số 1699 ngày 09/02/2023 của chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều có nguồn gốc: từ việc các bị cáo dùng hành vi gian dối để chiếm đoạt của bị hại nên đề nghị trả lại cho bị hại.

Số tiền thiệt hại 108.000.000đ (một trăm linh tám triệu đồng) chưa được khắc phục, bị hại chỉ yêu cầu bị cáo H thực hiện việc bồi thường, tại phiên tòa, bị cáo H đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền thiệt hại còn lại là phù hợp nên đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để kết luận.

Các bị cáo Nguyễn Thanh H do không có tiền tiêu xài nên đã lên trang mạng điện tử để tìm và đặt làm giả: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S; 01 căn cước công dân tên Cao Hồng

S; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Bị cáo Nguyễn Văn V biết các loại tài liệu trên là giả vì bản thân bị cáo không phải Cao Hồng S nhưng vẫn sử dụng tên Cao Hồng S để ký biên nhận nhận tiền và sử dụng các giấy tờ giả trên để thế chấp cho bị hại Nguyễn Tôn Q với số tiền 127.000.000đ. Điều này thể hiện sự thống nhất ý chí của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Theo kết luận giám định số: 113/KLGD-PC09 ngày 12/10/2021 và Kết luận giám định số: 128/KLGD-PC09 ngày 04/11/2021 của Phòng K2 - Công an thành phố C xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S, Căn cước công dân tên Cao Hồng S, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là giả.

Hành vi làm giả 03 tài liệu của bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn V đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan, tổ chức và đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo H và bị cáo V cùng thống nhất ý chí khi sử dụng các loại giấy tờ giả và sử dụng tên giả: Cao Hồng S ký nhận 127.000.000đ của bị hại của bị hại Nguyễn Tôn Q nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 127.000.000đ.

Như vậy, hành vi bị cáo H và bị cáo V dùng tài liệu giả nhằm tạo lòng tin đối với bị hại để chiếm đoạt số tiền 127.500.000đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bên cạnh đó, bị cáo Nguyễn Thanh H đã một mình tự liên hệ với bị hại Nguyễn Tôn Q và đề nghị vay thêm tiền từ việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S. Trên cơ sở lòng tin đã được tạo dựng từ việc các bị cáo đã giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S cho người bị hại nên bị hại tiếp tục chuyển tiền cho bị cáo H 02 lần. Lần 01 với số tiền: 153.000.000đ, lần 02 với số tiền 132.500.000đ. Tổng số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt là 290.500.000đ nên bị cáo H phải tự chịu trách nhiệm đối với số tiền chiếm đoạt là 290.500.000đ. Như vậy, tổng số tiền bị cáo H phải chịu trách nhiệm là 418.000.000đ (bao gồm: 127.000.000đ bị cáo H phải chịu trách nhiệm chung với

bị cáo V và bị cáo H đã một mình chiếm đoạt 290.500.000đ). Hành vi bị cáo H dùng tài liệu giả nhằm tạo lòng tin đối với bị hại để chiếm đoạt số tiền 418.000.000đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Thanh H đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b Khoản 1 Điều 51. Bị cáo Nguyễn Thanh H có một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) bà H và bị cáo Nguyễn Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 1699 ngày 09/02/2023 của chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều có nguồn gốc do các bị cáo có hành vi gian dối để chiếm đoạt của bị hại nên giao trả lại cho bị hại Nguyễn Tôn Q.

Bị cáo Nguyễn Thanh H đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Bị hại Nguyễn Tôn Q được nhận số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 1699 ngày 09/02/2023 của chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Nên các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 108.000.000đ. Tại phiên tòa, bị hại chỉ yêu cầu bị cáo H tiếp tục bồi thường số tiền 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng). Bị cáo H đã thống nhất bồi thường cho bị hại số tiền 108.000.000đ. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo H đối với bị hại Nguyễn Tôn Q với tiền 108.000.000đ.

Về xử lý vật chứng:

-01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S; 01 căn cước công dân tên Cao Hồng S; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; 01 biên nhận vay tiền ngày 08/07/2021 với số tiền 150.000.000đ (do Nguyễn Tôn Q giao nộp) là các chứng cứ chứng minh tội phạm nên tịch thu lưu hồ sơ.

- 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc imei 359304064270104; điện thoại Samsung A70 (SM-A705F/DS) màu xanh- đen; điện thoại samsung galaxy note10+ plus (sm-N975F/DS) màu xanh – đen, Imei: 351591113661568; 01 điện thoại di động hiệu Masstel izi 206 màu đỏ đen, imei: 358414100972869. Các bị cáo đã dùng 04 điện thoại trên làm phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi làm giả tài liệu nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại nên tịch thu sung công.

- 01 điện thoại samsung galaxyA22 imei 358475773871787 của bị cáo H thu giữ khi bắt bị cáo theo lệnh truy nã, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo H.

[4] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào theo điểm a Khoản 3 Điều 174, điểm c Khoản 2 Điều 341; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thanh H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh H 08 (tám)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh H 03 (ba)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành **11 (mười một)** năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày: 21/02/2023.

Căn cứ vào theo điểm c Khoản 2 Điều 174, điểm c Khoản 2 Điều 341; điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn V 03 (ba)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn V 02 (hai)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành **05 (năm)** năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày: 15/08/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn Tôn Q được liên hệ với cơ quan thi hành án dân sự quận N để nhận số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) mà bà H và bị cáo Nguyễn Thanh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 1699 ngày 09/02/2023 của chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thanh H tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Tôn Q số tiền 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu lưu hồ sơ:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Cao Hồng S;

- 01 Căn cước công dân tên Cao Hồng S;

- 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

- 01 Biên nhận vay tiền ngày 08/07/2021 với số tiền 150.000.000đ.

Tịch thu sung công:

- 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc imei 359304064270104;
- 01 điện thoại Samsung A (SM-A705F/DS) màu xanh- đen;
- 01 điện thoại samsung galaxy note10+ plus (sm-N975F/DS) màu xanh – đen. Imei: 351591113661568;
- 01 điện thoại di động hiệu Masstel izi 206 màu đỏ đen, imei: 358414100972869.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh H:

- 01 điện thoại samsung galaxyA22 imei 358475773871787.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc B1